**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HC-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhài.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Minh Tiến

2.Ông Đinh Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Duyên, Thư ký - Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Mạnh Thúy, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường,vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 23/2017/TLST-HC, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 12tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện***: Ông Lê Văn A, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm6, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

***2. Người bị kiện***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ĐT

Địa chỉ:Thị trấn Hùng Sơn, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Lê TS– Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (Theo văn bản ủy quyền số 1576/GUQ-UBND ngày 16/10/2017)

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

3.1. Chủ tịch UBND xã TL, huyện ĐT

Địa chỉ: Xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Phan VV, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

3.2. Ủy ban nhân dân xã TL

Địa chỉ: Xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Phan VV, Chức vụ: Chủ tịch UBND xã

3.3. Ông Đào Văn T, sinh năm 1939

Địa chỉ: Xóm 6, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

3.4. Ông Đào Văn Hiếu, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm 6, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

3.5. Ông Đào Văn Tu, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm 6, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

3.6. Anh Lê NA, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 6, xã TL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

( Tại phiên tòa có mặt: ông A, anh Anh; Vắng mặt: ông Sơn, ông Vĩnh, ông T, ông Tu, ông Hiếu – có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án như sau:

Năm 1996, Thôn Thái Linh, xã Phục Linh, huyện ĐT (*sau khi chia tách địa giới hành chính, nay thuộc địa phận xóm 6, xã TL, huyện ĐT*) bán đấu giá phần diện tích 8.700m$^2$ đất ao (gọi là khu ao cá Bác Hồ, đất có nguồn gốc là của Hợp tác xã Thái Linh). Ông Lê Văn A là người trúng đấu thầu, nên được tập thể xóm bàn giao cho sử dụng phần diện tích 8.700m$^2$ - theo biên bản bàn giao ngày 07/01/1997 và biên bản ngày 03/4/1997. Vị trí phần diện tích đất này theo bản đồ 299, đo đạc năm 1986 là một phần của thửa 144 - Tờ bản đồ số 55, diện tích 9.500m$^2$; theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 là: Thửa 46 – TBĐ 48, diện tích 8.214m$^2$, loại đất "Ao" và Thửa 453 – TBĐ 48, diện tích 401m$^2$, loại đất "T"). Năm 1997 ông Lê Văn A được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 670/QSDĐ, ngày 15/9/1997, nhưng ghi là thửa 134, tờ bản đồ số 45, diện tích 8.100m$^2$, loại đất "Ao". Năm 2000, UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận phần diện tích đất này sang tên anh Lê NA (con trai ông A) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13/QSDĐ/892/1999/QĐ-UB-H, ngày 25/6/2000 ghi là thửa 4b -Tờ bản đồ 45, diện tích 200m$^2$, loại đất "T" và thửa 4a -Tờ bản đồ 45, diện tích 7.900m$^2$, loại đất "Ao".

Trong quá trình sử dụng đất, năm 2012 ông Đào Văn Tu (là con trai ông Đào Văn T) tiến hành san lấp ao tại thửa 134 – TBĐ 48, ông A cho rằng việc gia đình ông Tu san lấp ao đã làm tắc cống khơi thông dòng chảy tại ao nhà mình. Nên ngày 21/3/2013 ông A có đơn đề nghị UBND xã TL giải quyết việc gia đình ông Tu lấp ao để khởi thông dòng chảy ao gia đình ông. Ngoài ra, ngày 26/3/2013 ông A còn có đơn gửi UBND xã TL( đơn ghi ngày 20/3/2013), nội dung yêu cầu UBND xã giải quyết việc gia đình ông Đào Văn Hiếu (con ông T) đắp bờ lấn sang ao ông A diện tích khoảng 02 sào, dẫn đến việc UBND nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận cho ông, sau đó sang tên anh Lê NA thiếu so với diện tích ông mua đất đấu giá của Thôn Thái Linh.

Sau khi nhân được đơn đề nghị của ông Lê Văn A, UBND xã TL đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của các hộ, sau đó ban hành văn bản số 104/UBND ngày 26/4/2013,

về việc trả lời nội dung kiến nghị, đề nghị (*viết tắt là văn bản số 104/UBND*), nội dung: UBND xã không xem xét giải quyết đối với việc khởi thông dòng chảy theo đơn ngày 21/3/2013, vì ao cá ông A vẫn có cống thoát nước phục vụ cho việc khơi thông dòng chảy; Đối với đơn đề ngày 20/3/2013 về việc đề nghị UBND xã giải quyết việc thiếu diện tích đất ao khi mua, UBND xã không có đủ phương tiện kỹ thuật để đo lại diện tích đất ao gia đình ông, hiện tại gia đình ông vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Không nhất trí với nội dung trả lời tại văn bản số 104/UBND, ngày 07/4/2014 ông A có đơn khiếu nại và tiếp tục đề nghị UBND xã giải quyết để gia đình ông T trả lại 03 dòng chảy thông thoáng, để ao gia đình ông tháo cạt hết tầm đáy. Sau khi ông A có đơn khiếu nại, ngày 25/3/2015 Chủ tịch UBND xã TL ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 36/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6- xã TL(*viết tắt là Quyết định số 36/UBND*), nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Lê Văn A, giữ nguyên công văn số 104/UBND ngày 26/4/2013 của UBND xã TL về việc trả lời nội dung kiến nghị, đề nghị của ông Lê Văn A.

Ngày 14/4/2015 ông A có đơn khiếu nại lần 2 đối với quyết định số 36/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã TL, đề nghị Chủ tịch UBND các cấp tiến hành điều tra để trả lại phần diện tích ao, ruộng, vườn ông đã mua. Ngày 15/6/2015 Chủ tịch UBND huyện ĐT ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 4392/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6, xã TL đối với quyết định của Chủ tịch UBND xã TL (*Viết tắt là: Quyết định số 4392/QĐ-UBND*). Nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Văn A.

Sau khi nhận được Quyết định 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện ĐT, ngày 08/4/2016 ông A đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện ĐT , ngày 22/7/2016 ông A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 4392/QĐ-UBND, ngày 15/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện ĐT, buộc UBND xã TL trả lại phần diện tích đất ao khoảng 2 sào mà ông Hiếu lấn chiếm, buộc ông Hiếu phải xử lý nước thải mới được tháo nước xuống ao ông A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/02/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2017/QĐST-HC, với lý do hết thời hiệu khởi kiện. Do có kháng cáo của người khởi kiện, ngày 12/9/2017 Hội đồng phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 248/QĐ-TACC, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2017/QĐST-HC ngày 10/2/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giao hồ sơ vụ án về tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi thụ lý lại vụ án, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông Lê Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy quyết định số 4392/QĐ-

UBND của Chủ tịch UBND huyện ĐT, yêu cầu UBND xã phải giao lại đủ phần diện tích đất ao ông đã mua mà ông Hiếu lấn chiếm, trả lại diện tích 600m2 đất ONT ở làn cỏ hướng tây cho con trai ông A là Lê NA, giải quyết việc ông Đào Văn Tu san lấp đất trái phép làm tắc cống ao của ông A.

- ***Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày***:

- *Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định*: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Văn A, UBND huyện ĐT đã ban hành Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 về việc giao cho phòng Tài Nguyên và Môi trường kiểm tra, xác minh, đối thoại và lập báo cáo tham mưu giải quyết đơn khiếu nại của công dân. Sau khi phòng Tài Nguyên và Môi trường kiểm tra, xác minh, đối thoại và lập báo cáo tham mưu, Chủ tịch UBND huyện ĐT đã ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A xóm 6, xã TL đối với quyết định của Chủ tịch UBND xã TL (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục.

- *Về thẩm quyền ban hành quyết định*: Căn cứ vào Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện ĐT ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung: Ông A khiếu nại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND xã TL, đề nghị UBND huyện ĐT giải quyết giao đủ diện tích 8.700m2 đất ao và yêu cầu gia đình ông T phải đào mương sâu để 3 cống ao gia đình ông A thoát nước.

Kết quả xác minh: Về nội dung khiếu nại đối với việc gia đình ông T đổ đất ao làm cống đáy và cống lửng bị tắc là không có căn cứ, không đủ cơ sở giải quyết, vì ngày 29/5/2015 phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND xã TL đã kiểm tra thực tế, xác định cống xả lũ ao của ông A vẫn chảy bình thường. Con mương phía sau ao ông A (mương cạnh đường bê tông) là mương thoát nước chung để thoát nước của đường bê tông, vườn chè của ông Đào Văn Tu và thoát nước xả lũ ao ông A; quá trình sử dụng con mương này đã bị lấp đất nên cống đáy ao của gia đình ông A không chảy được, còn cống xả lũ vẫn chảy. Để khắc phục cống đáy của ao chảy ra mương, ông A phải nạo vét đất ở mương thoát nước.

+ Về mội dung yêu cầu giao đủ diện tích đất ao bị thiếu: Đất ao của ông A được giao từ năm 1997, xóm, xã có ra thực địa giao đất ao, tại thời điểm giao đất đã xác định ranh giới có bờ xung quanh, có chỉ giới ao tại thực địa, giao kèm làn cỏ nhưng không có diện tích. Từ khi giao đất ao ông A vẫn sử dụng đúng theo ranh giới, ổn định, không chuyển quyền cho ai. Năm 2002 khi đo đạc bản đồ địa chính xã TL, theo ranh giới đã được xác định tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 48 diện tích 8.214m$^2$ đất ao và thửa đất số 453 tờ bản đồ 48, diện tích 401m$^2$ đất thổ cư (ông Lê NA – con trai ông A đã ký vào sổ giao nhận diện tích của xã). Hiện tại ranh giới các thửa thửa đất của ông Anh và ông A đã sử dụng không có tranh chấp với các hộ xung quanh. Do đó Chủ tịch UBND huyện

ĐT ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc đề nghị Tòaán nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy Quyết định số 4392/QĐ-UBND là không có căn cứ.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

**+ *Chủ tịch UBND xã TL trình bày***: UBND xã TL nhận được đơn đề nghị của ông Lê Văn A đề ngày 20/3/2013 và đơn đề ngày 21/3/2013, nội dung: Đề nghị UBND xã xem xét giải quyết việc thiếu diện tích đất ao cá khi mua, đo lại diện tích đất ao; giải quyết khơi thông dòng chảy đối với ao cá gia đình ông đang sử dụng. Sau khi nhận đơn đề nghị của ông Lê Văn A, UBND xã TL đã kiểm tra hồ sơ địa chính, tiến hành xác minh thực địa rồi ban hành Văn bản số 104/UBND ngày 26/4/2013 trả lời đơn của ông A. Sau khi ông A có đơn khiếu nại đối với Văn bản số 104/UBND, ngày 18/4/2014 UBND xã đã làm việc với ông A để làm rõ nội dung khiếu nại và cung cấp các thông tin. Ngày 25/3/2015 Chủ tịch UBND xã TL ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 36/QĐ-UBND. Như vậy căn cứ vào hồ sơ địa chính, kết quả xác minh làm việc với người khiếu nại và người liên quan, Chủ tịch UBND xã TL ban hành quyết định số 36/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại Luật khiếu nại năm 2011. Đối với nội dung ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định 4392/QĐ-UBND, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**+ Anh Lê NA** là người có quyền lợi liên quan nhất trí với lời trình bày và quan điểm của ông Lê Văn A. Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 4392/QĐ-UB ngày 15/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A xóm 6, xã TL đối với quyết định của Chủ tịch UBND xã TL (lần 2)

**+ Ông Đào Văn Hiếu trình bày**: Vào cuối năm 1993 đầu năm 1994 ông Hiếu mua đất ao của Hợp tác xã Thái Ninh với diện tích 700m$^2$ có giá 700.000đ, là một phần của ao cá Bác Hồ thửa 144 theo bản đồ 299 diện tích 9.500m$^2$, khi mua không có giấy tờ. Sau khi mua ông Hiếu có đắp bờ ngăn phần mua để làm lối đi sang phần bãi hái chè. Đến năm 2000 được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên Đào Văn Hiếu là thửa 257 tờ bản đồ 36 bản đồ địa chính. Hiện tại ông Hiếu vẫn đang sử dụng phần diện tích đất này. Năm 1997 ông A mới mua phần còn lại của thửa đất 144 bản đồ 299.

Vị trí 3 cống đáy, cống lửng, cống xả lũ là ở phần đất ao của nhà ông A, hiện nay cống xả lũ vẫn sử dụng bình thường, cống đáy và cống lửng vẫn ở vị trí cũ. Ông A khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, ông Hiếu đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do điều kiện sức khỏe nên ông Hiếu xin được giải quyết vắng mặt tại Tòa án.

**+ Ông Đào Văn Tu trình bày**: Ông là con trai của ông Đào Văn T và là em trai của ông Đào Văn Hiếu. Vào năm 2013, ông có đổ đất lấp ao của bố ông tại thửa 134 tờ bản đồ 48 bản đồ địa chính, giáp đường đi của xóm, không liên quan đến ao của nhà ông A. Khi lấp ao của nhà bố ông thì ông vẫn để lại phần đất để thoát nước, phần ao của ông

A chảy qua phần ao của nhà ông T, không bị ngập úng. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin được vắng mặt và xin không tham gia tố tụng tại Tòa án.

**+ Ông Đào Văn T:** Trong quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu đề nghị gì và có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai tiếp cận chứng cứ và đối thoại để các đương sự thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giả quyết vụ án nên cần phải đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu khởi kiện, đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện và các quyết định hành chính có liên quan.

Tại phiên tòa , sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng. Về nội dung, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 30, Điều 32; Điều 116; Điều 118; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A, hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện ĐT; Công văn số 104/UB-UBND ngày 26/4/2013 của UBND xã TL; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND xã TL.

2. Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND huyện ĐT phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. *Về sự có mặt và vắng mặt của các đương sự*: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND, Ủy ban nhân dân xã TL và ông Đào Văn Hiếu, Đào Văn T, Đào Văn Tu có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[1.2]*Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Ngày 15/6/2015 Chủ tịch UBND huyện ĐT ban hành quyết định số 4392/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2 đối với đơn khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6, xã TL, huyện ĐT, khiếu nại Quyết định giải quyết lần đầu số 36/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND xã TL. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ vào khoản 9 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

[1.3]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Sau khi nhận được Quyết định số 4392/QĐ-UBND, ngày 08/4/2016 ông A đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện ĐT , ngày 22/7/2016 ông A gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 4392/QĐ-UBND, ngày 15/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện ĐT, buộc UBND xã TL trả lại phần diện tích đất ao khoảng 2 sào mà ông Hiếu lấn chiếm, buộc ông Hiếu phải xử lý nước thải mới được tháo nước xuống ao ông A. Căn cứ vào Điều 120 Luật tố tụng hành chính thì yêu cầu khiện của ông Lê Văn A là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

**[2].** ***Xét nội dung yêu cầu khởi kiện. Đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện và các quyết định hành chính có liên quan, Hội đồng xét xử thấy:***

[2.1] Đối với văn bản số 104/UBND:

Theo nội dung đơn đề nghị ngày 20/3/2013 ông A yêu cầu UBND xã TL giải quyết việc gia đình ông Đào Văn Hiếu đắp bờ đã lấn sang phần đất ao của gia đình ông khoảng 02 sào; Đơn đề nghị 21/3/2013 ông yêu cầu UBND xã giải quyết việc ngày 13/10/2012 gia đình ông Đào Văn Tu lấp ao ông T làm tắc cống dòng chảy thoát nước ao của gia đình ông. Như vậy, nội dung trong 02 đơn đề nghị ông A yêu cầu UBND xã giải quyết là đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông A với gia đình ông Hiếu và gia đình ông Tu. Phần diện tích đất tranh chấp giữa các hộ đã được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê NA (đối với thửa 4a, tờ bản đồ 45) và mang tên ông Đào Văn Hiếu (đối với thửa 257, tờ bản đồ 36). Tại khoản 1, 2 Điều 135 và khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

"Điều 135. Hoà giải tranh chấp đất đai

*1. Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hoà giải hoặc giải quyết tranh chấp đất đai thông qua hoà giải ở cơ sở.*

*2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hoà giải được thì gửi đơn đến Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp.*

*Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác để hoà giải tranh chấp đất đai"*

**Điều 136 Luật Đất đai năm 2003:**

*Tranh chấp đất đai đã được hoà giải tại Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí thì được giải quyết như sau:*

*1. Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ...hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết"*

Như vậy, sau khi nhận được đơn đề nghị của ông Lê Văn A về việc tranh chấp đất đai với gia đình ông Đào Văn Hiếu và Đào Văn Tu thì UBND xã TL phải phối hợp với

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức tiến hành hoà giải tranh chấp đất đai giữa các hộ. Trong trường hợp hòa giải không thành thì chuyển đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 136 luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên UBND xã đã không thực hiện việc hòa giải mà tự kiểm tra, xác minh rồi ban hành Văn bản số 104/UBND ngày 26/4/2013, có nội dung không có cơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu của ông Lê Văn A là không đúng thẩm quyền.

Ngoài ra, phần diện tích đất nêu trên đã được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê NA, tại thời điểm ông A có đơn đề nghị UBND xã giải quyết, anh Lê NA chưa ủy quyền cho ông A; Giấy ủy quyền không ghi ngày, tháng, năm, được UBND xã xác nhận ngày 26/3/2013 không có nội dung ủy quyền cho ông A làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, nhưng UBND xã vẫn thụ lý và giải quyết đơn đề nghị của ông A là không đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với Quyết định số 36/QĐ-UBND:

- *Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại*: Ông Lê Văn A có đơn khiếu nại đối với Văn bản số 104/UBND ngày 26/4/2013 của UBND xã TL về việc trả lời nội dung kiến nghị, đề nghị; Ngày 25/3/2015 Chủ tịch UBND xã TL ban hành quyết định số 36/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6, xã TL(lầnđầu) là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011. Hình thức quyết định phù hợp với Mẫu số 15-KN - Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- *Về trình tự, thủ tụcgiải quyết khiếu nại*:

Ngày 08/4/2014 ông A mới có đơn khiếu nại Văn bản số 104/UBND đến UBND xã TL (sau gần 01 năm kể từ ngày ban hành văn bản số 104/UBND). Sau khi nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã không kiểm tra đơn khiếu nại có còn trong thời hiệu khiếu nại hay không để ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại hoặc Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại, rồi mới tiến hành việc kiểm tra, xác minh, thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại và đối thoại với người khiếu nại. Đến ngày 25/3/2015 mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là thực hiện không đúng trình tự, thủ tục, vi phạm về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại các Điều 11, Điều 27, Điều 28 và Điều 30 của Luật khiếu nại năm 2011; hướng dẫn tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

- *Về nội dung và căn cứ pháp lý*:

Như đã phân tích ở trên, quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp đã được UBND huyện ĐT cấp giấy chứng nhận cho anh Lê NA, ông A không được yêu cầu giải quyết tranh chấp, nên việc UBND xã TL thụ lý và giải quyết đơn đề nghị của ông A là không đúng quy định của pháp luật. Do vậy Chủ tịch UBND xã TL ban hành

quyết định giải quyết khiếu nại số 36/UBND giữ nguyên công văn số 104/UBND là không đúng quy định. Phần căn cứ pháp lý và nội dung phần quyết định không áp dụng các văn bản hướng về giải quyết khiếu nại, không có nội dung cho người khiếu nại được quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính là vi phạm điểm k khoản 2 Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[2.3]. Đối với quyết định số 4392/QĐ-UBND:

*- Về thẩm quyền ban hành quyết định:*

Tại khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định:

***"Điều 18. Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện***

*.....*

*2. Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính…của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã… đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại…"*

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện ĐT ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

*-Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:*

Ngày 14/4/2015 ông Lê Văn A có đơn khiếu nại quyết định số 36/QĐ-UBND đến Chủ tịch UBND huyện ĐT là nằm trong thời hiệu khiếu nại lần 2 theo quy định tại điều 33 Luật Khiếu nại năm 2011. Sau khi nhận đơn khiếu nại lần 2, Chủ tịch UBND huyện ĐT đã thụ lý đơn khiếu nại và lập hồ sơ giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 34 Luật Khiếu nại năm 2011. Sau khi có báo cáo của cơ quan chuyên môn về kết quả xác minh, ý kiến của người khiếu nại tại phiên đối thoại, ngày 15/6/2015 Chủ tịch UBND huyện ĐT ban hành quyết định số 4392/QĐ-UBND là thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại các Điều 34, 36, 37, 38 và Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011.

*- Về nội dung và căn cứ ban hành quyết định:*

Tại Điều 2 và Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 quy định.

***"- Điều 2. Giải thích từ ngữ***

*1.Khiếu nại là việc công dân… đề nghị cơ quan… có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước… khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình"*

***- Điều 11. Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết***

*Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:*

*1.*

*2.Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại"*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa ông A và anh Anh đều xác định GCNQSDĐ hiện tại vẫn đứng tên anh Lê NA, anh Anh được UBND huyện ĐT cấp GCNQSDĐ từ ngày 25/6/2000. Việc ông A có Đơn đề nghị UBND xã TL giải quyết theo đơn đề nghị ngày 20/3 và 21/3/2013 không được anh Anh ủy quyền; Giấy ủy quyền được UBND xã xác nhận ngày 26/3/2013 chỉ có nội dung ủy quyền cho ông A*"cải tạo, canh tác chông nom cai quản bảo vệ cây cối tài sản thực hiện nghĩa vụ dân sự dao địch khác. Bìa đỏ tên NA tờ 45 thửa 134. Thổ 200m$^2$, 7900m$^2$ ao"*. UBND xã TL thụ lý giải quyết tại Văn bản số 104/UBND là không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền; Quyết định giải quyết khiếu nại số 36/QĐ-UBND ban hành không đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết khiếu nại lần 2, Chủ tịch UBND huyện ĐT không phát hiện ra mà vẫn tiếp tục giải quyết và ban hành quyết định số 4392/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật.

**[3]**. Từ những phân tích nêu trên, Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phầnyêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A; hủy quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện ĐT; hủy Công văn số 104/UBND ngày 26/4/2013 của UBND xã TL và Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND xã TL, huyện ĐT.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A về việc đề nghị UBND giải quyết buộc ông Hiếu trả lại khoảng 750m$^2$ đất ao, việc gia đình ông Tu san lấp ao làm tắc cống, yêu cầu giải quyết để khơi thông dòng chảy.....không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án hành chính, nên HĐXX không xem xét. Trường hợp có yêu cầu khởi kiện thì được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

**[4].** Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[5].** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011: Điều 135, Điều 136 Luật đất đai năm 2003 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn A, hủy quyết định số 4392/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện ĐT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6, xã TL đối với quyết định của Chủ tịch UBND xã TL (lần 2); hủy Công văn số 104/UB-UBND ngày 26/4/2013 của UBND xã TL về việc trả lời nội dung kiến nghị đề nghị; hủy Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND xã TL về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn A, xóm 6 – xã TL (lần đầu).

**2**. Buộc Ủy ban nhân dân huyện ĐT phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.Trả lại cho ông Lê Văn A số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018361, ngày 10/8/2016 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

**3**. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
-*TAND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhài**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Minh Tiến** **Đinh Thanh Hải** **Trần Thị Nhài**

***Nơi nhận:***
- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
-*TAND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhài**

| | |
|---|---|
| **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
| **Hà Minh Tiến –** | **Trần Thị Nhài** |